

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 10/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân
2. Ông Nguyễn Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018 ngày 29/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Quảng N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Khắc L - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 43 K3, Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Khắc L kết hôn ngày 06 tháng 8 năm 2009, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không chịu tu chí làm ăn, không

có trách nhiệm với gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Năm 2010 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2013 anh L phải đi chấp hành hình phạt tù sau đó chuyển đến Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến nay, anh chị không liên lạc gì với nhau. Nay chị H xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H cho Chị được ly hôn với anh Lê Khắc L.

- *Về con chung*: Chị và anh Lê Khắc L có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 28/11/2009. Hiện nay cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của Chị khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Lê Minh Đ và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Khắc L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 06 tháng 8 năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 387A đường Q, phường Đ, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại 5, Thanh Hóa đến ngày 11/3/2017 chuyển ra Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 28/11/2009. Nguyên vọng của Anh khi ly hôn giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì anh đang đi chấp hành hình phạt tù nên không cấp dưỡng nuôi con được, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ*: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Lê Khắc L có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thành phố H thụ lý, xét xử vụ án là đúng quy định.

Bị đơn là anh Lê Khắc L vắng mặt tại phiên tòa, anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì lý do đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam. Chị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc L kết hôn năm 2009, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không chịu tu chí làm ăn, vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành hình phạt tù. Anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh L đã không có trách nhiệm với gia đình, hiện tại cũng không có điều kiện để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị H cho anh L thêm cơ hội, chờ anh L đi chấp hành hình phạt tù về, vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn anh L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L không thể hàn gắn được nữa. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Khắc L là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc L thống nhất có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 28/11/2009. Tại bản tự khai cháu Lê Minh Đ có nguyện

vọng được ở với mẹ. Chị H và anh L thống nhất giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Khắc L.

Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc L có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 28/11/2009. Chị H và anh L thống nhất giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Khắc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Khắc L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số Â/2016/0004528 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. (Chị H đã nộp đủ án phí).

Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trương Thị Anh

